

# LỄ HỘI CỔ TRUYỀN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH văn hóa tộc người và văn hóa vùng

(Tiếp theo số 4 (13) - 2005)

PGS.TS. NGUYỄN TRI NGUYÊN\*

*2.3 - Lễ hội cúng Yang của người Châu Mạ ở xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai*

Người Châu Mạ thường tổ chức lễ cúng Yang sau khi thu hoạch vụ mùa (khoảng tháng Chạp âm lịch), để tạ ơn các thần linh đã ban cho mùa màng tươi tốt, làm cho cuộc sống no đủ và yên lành. Đây cũng là dịp để phô diễn những nét văn hóa độc đáo của người dân nơi này.

Lễ hội cúng Yang được tổ chức trong vòng một ngày, tại khu trung tâm của ấp. Không gian tổ chức lễ hội là ngôi nhà sàn: Sạp tre, mái tranh, bên trong có bàn thờ Yang để các lễ vật như rượu cần, cây nến Đinh Búp - cây vũ trụ của người Châu Mạ, thể hiện mối quan hệ giữa: Trời (Yang) - Người và Đất. Bên ngoài nhà là một sân nhỏ không có mái che, có cầu thang lên, trên có để cây lá hái từ rừng về làm men rượu cần (Rnôm). Trước sân ngôi nhà sàn, người ta trồng một cây "ăn trâu" (cây Dã) để báo tin có lễ ăn trâu, hai bên là hai cây nhỏ: Cột dê (Gnung xave) và cột heo (Gnung xaxu). Giữa sân trồng hai cây lớn: Cột trâu (Gnung sarpu) và cột bò (Gnung rộ) để làm lễ hiến tế. Các cây được bố trí khác nhau và đều được trang trí bằng các biểu tượng của trời, thần lúa,... Ngoài cổng còn có một ngôi nhà để đón

khách từ các làng lân cận đến.

Buổi sáng ngày diễn ra lễ hội, làng cho trình diễn các tiết mục ngụ ý diễn tả việc vào rừng lấy củi và hái rau Nhíp mang về làm món cúng. Nghi thức này do 20 nam nữ trẻ trung trình diễn bằng các điệu hát, múa và các điệu bộ.

Chiều đến, khách khứa tập trung tại nhà khách chờ chủ nhà ra đón vào. Đoàn khách gồm chủ lễ, đội công chiêng, đội múa, người thổi kèn bầu (Vuốt), người đánh đàn tre, vừa bước vào vừa đánh công chiêng, thổi kèn và múa hát. Sau khi uống rượu mời của chủ nhà, đại diện của đoàn khách cầm cây Đinh Tùng (ống tre có trang trí dùng để đựng rượu để mời khách) đóng nhẹ vào đầu trâu, đầu bò đang cột ở cây giữa sân, rồi cả đoàn chủ, đoàn khách cùng đánh công chiêng, múa hát di chuyển vòng quanh cột trâu và cột bò. Một người đại diện cho đoàn khách, cầm khiên và dao đi quanh cây Đinh Búp, đọc lời khấn cầu chúc điều tốt lành cho chủ nhà, rồi cầm dao chọc mạnh lên mái nhà để mời Yang chứng giám việc đãi khách của gia chủ. Sau đó, chủ nhà mời khách lần lượt uống rượu cần chia vui trong tiếng hát và tiếng công chiêng rộn rã.

Lễ đâm trâu được tiến hành sau đó. Khi con vật hiến tế bị hạ gục, người ta lấy một túm lông và một chén máu trâu đưa cho thầy cúng đặt vào chỗ trâu nằm rồi khấn cầu. Con trâu được

thịt ngay sau đó, một phần thịt trâu chia thành những miếng nhỏ, xâu vào lạt tre để dành cho khách, phần thịt còn lại, chủ nhà cho chế biến thành các món ăn, mời khách ăn chung. Khi khách ra về, chủ nhà trao cho mỗi khách một xâu thịt. Đây cũng là lúc chủ nhà và khách nói lời tạm biệt. Khách về rồi, họ còn tiếp tục uống rượu, ăn thịt, múa, hát và đánh cồng chiêng cho đến sáng.

Trong suốt thời gian diễn ra lễ hội, ngoài hát múa nghi lễ, người Châu Mạ còn tổ chức nhiều hình thức văn nghệ độc đáo của dân tộc mình như múa, đánh đàn tre, thổi kèn bầu, hát Krin, Kabau, Kaxiêm, thi kéo co, thi đẩy cây ...

#### 2.4 - Lễ hội Đâm trâu của người Bana - Chăm Hơroi (xã Plây Xí Thoại, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên)

Thường thường, người Bana - Chăm Hơroi làm lễ đâm trâu vào các dịp: Mừng lúa mới, mừng được mùa, mừng hoàn thành nhà rông hoặc năm mộng thấy thần linh báo ứng. Lễ đâm trâu được tổ chức trong vòng 3 ngày vào tháng 4 dương lịch. Đây cũng là dịp để những người thân tộc, bạn bè tổ chức thăm viếng nhau.

Hàng tháng trước, dân làng ở đây đã chuẩn bị những thứ phục vụ cho ngày hội lễ như: Dệt vải, may sắm quần áo mới, chuẩn bị rượu cần, củi... Làng phải cử những chàng trai khỏe mạnh, chưa vợ vào rừng (có chọn ngày giờ) để chọn chặt cây đem về dựng *cột nêu* (hay còn gọi là trụ cột xoay trâu). Cùng với những công việc trên, dàn trống chiêng cũng được tu sửa lại.

Đầu tiên là lễ *cúng Yàng* (thần) cho dựng cây nêu. Chủ lễ là những ông thầy cúng của buôn (P'ngai Quài) - những người được dân làng rất tin tưởng và nể trọng. Trước khi cúng cầu, các thầy đều *xin keo* (như xin âm dương của người Việt) bằng lá cây tiện tròn, giống đồng tiền. Khi gieo keo được mặt xấp mặt ngựa, là việc làm đã linh ứng, thuận với trời đất.

Khi dựng nêu xong, quanh 4 góc hố, người ta dựng 4 cột trụ để buộc trâu, mỗi cột đều vẽ những hoa văn trang trí. Ngoài ra, họ còn trồng 8 cây nêu mang hình những bông lúa và những con cá to nhỏ nối kết nhau bởi một sợi dây. Trên 4 cột trụ của cây nêu có giàn tế lễ, tượng trưng cho bàn thờ tổ tiên.

Trước lễ hạ trâu, người ta mổ một con heo

Nguyễn Tri Nguyên: *Lễ hội cổ truyền Việt Nam trong...*

để cúng, mời các vị thần linh bốn phương tám hướng về dự hội.

— Làm lễ dựng cột nêu xong, con trâu tế thần được dẫn về cột vào gốc cây nêu. Sau đó, các thầy cúng bắt đầu hành lễ để dân làng làm quen với con trâu - vật tế thần.

Cúng xong, mọi người tụ tập thành vòng tròn quanh con trâu, hát hò nhảy múa theo tiếng cồng chiêng. Vòng trong là các thầy cúng, theo sau là đội múa nữ, đội múa cồng chiêng và múa trống đôi; tiếp đến là những người có nhiều đóng góp cho lễ hội; vòng ngoài là nhân dân của các buôn làng. Họ nhảy múa vòng quanh con trâu 3 lần, theo chiều ngược kim đồng hồ, và lấy rượu mời những người từ các buôn làng khác đến để làm quen và kết thân.

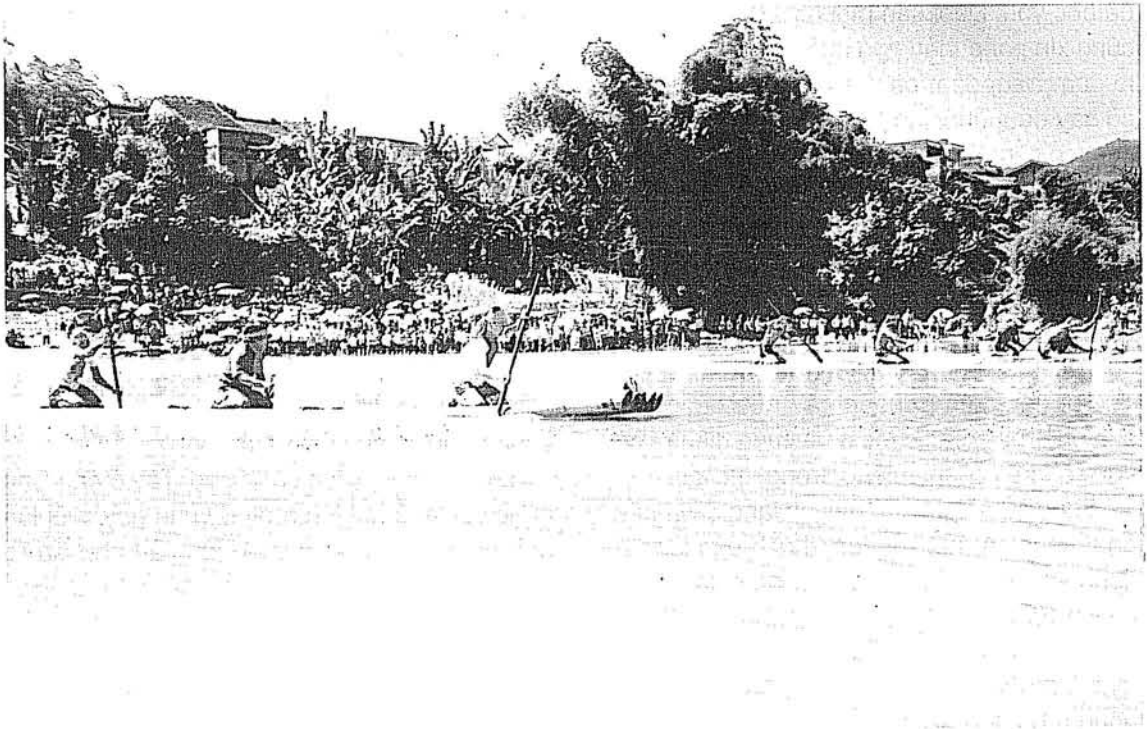
Sang ngày thứ hai, lễ chém trâu được thực hiện ngay sau khi các thầy cúng làm lễ khấu cầu thần linh xong. Máu trâu được các thầy lấy một phần xoa vào trán những người đứng xung quanh, phần còn lại họ pha với rượu để bôi lên nhà rông. Người Bana - Chăm Hơroi quan niệm rằng, khi chém trâu, máu trâu chảy càng mạnh thì mưa càng nhiều, mùa màng càng bội thu. Máu chảy thấm vào lòng đất thì cây cối sẽ mãi mãi xanh tươi, con người và các sinh vật sẽ càng sinh sôi nảy nở.

Hạ trâu xong, thịt trâu được xẻ ra, chia cho dân làng chế biến các món ăn thiết đãi khách khứa. Đây cũng là lúc mọi người trong buôn làng thăm viếng nhau và cùng vui chơi. Suốt ba ngày lễ, rất nhiều trò diễn được tổ chức, trong đó có những điệu hát, múa như: Hát với con trâu (Ayo - K' Pô), hát đối đáp nam nữ (Ayêl) và múa trống đôi (Chơ - kur), ...

Ngày thứ ba là ngày cúng đầu trâu, cũng là ngày cuối cùng của lễ hội đâm trâu. Các thầy cúng làm lễ cúng thỉnh thần linh, rồi kiêng đầu trâu đi quanh nhà rông 3 lần. Lễ tế cuối cùng kết thúc, mọi người quây quần bên chén rượu cần cùng uống rượu, ăn thịt. Cuộc vui kéo dài cho đến sáng...

#### 2.5 - Lễ cầu mùa của người Tà Ôi, tỉnh Thừa Thiên - Huế

Lễ cầu mùa của dân tộc Tà Ôi được tổ chức vào mùa xuân, sau Tết âm lịch. Thường thì từ 3 tới 5 năm người ta mới tổ chức một lần vào năm có những sự kiện quan trọng như: Tạ ơn Yàng về việc liên tục được mùa, hoặc cầu được mùa nếu mùa màng thất bát, cầu sức khỏe ...



Lễ hội Phài Lừa, Bình Giả, Lạng Sơn - Ảnh: N.T.N

Khi có quyết định làm *lễ hội lớn* (Adakôn), người Tà Ôi phải làm lễ xin thần từ trước đó 6 tháng để chuẩn bị lương thực, thực phẩm. Adakôn thường gắn với tục đâm trâu nên cũng phải có sự chuẩn bị trước đó vài năm.

Lễ hội cầu mùa được tổ chức trên nhà rông và trong sân chung của làng. Chủ lễ là một già làng, ngoài ra còn có 7 già làng khác tham gia phụ lễ. Lễ vật dâng cúng gồm: Cây chuối có buồng quả, mía nguyên cây, rượu cần, trâu, dê, gà, chuột nướng trong ống tre, cá nướng bằng que, xôi, cốm, gạo... Vật dùng làm lễ cúng có *Axom* (một chùm sợi xoắn được tước nhỏ từ một cành Hóp dùng để vấy nước, vấy rượu cúng lên xà nhà) và *Asieeu* (một khúc gỗ tròn dài khoảng 15 cm, được bổ đôi thành hai mảnh, mặt phẳng của mỗi mảnh được vẽ bùa chú trang trí) dùng để *xin keo* (âm - dương), ngoài ra còn có kiếm, khiên và dải vải Giêng để phủ lên đầu trâu trước khi đâm.

Buổi sáng ngày thứ nhất của lễ hội, người ta làm lễ xin đất *chôn nọc* (nêu) buộc trâu. Chủ lễ và phụ lễ cầm kiếm, khiên khấn vái, sau đó chủ lễ úp khiên xuống đất - chỗ xin nọc buộc trâu. Đó là chỗ dựng cây nêu chính. Dựng nọc buộc trâu xong, người ta tiếp tục dựng nọc buộc dê

và nọc buộc lợn (cây nêu phụ), những con vật sẽ bị giết thịt làm lễ vật cúng trời và cúng bên khô - bên nước. Các lễ vật cúng khác để cầu mùa bao gồm: Gùi lớn, gùi nhỏ (Achói, Até), kiếm, khiên, chiêng công, ché, gạo... cùng bánh nếp đã được bóc vỏ và cá nướng... mỗi thứ một ít. Chủ lễ tay cầm ống tre ngắn (trong đựng cám gạo và nước) có cầm *Axom*, xuống sân vừa khấn, vừa đổ ống cám gạo xuống chân nọc buộc trâu trong tiếng công chiêng, tù và và tiếng hô hú. Tiếp đó, một nhóm được tách ra, đi đầu là phụ lễ tiến về phía núi, vừa đi vừa vung gạo lên trời và khấn mời thần linh về dự hội với buôn làng. Khi trở lại sân chung, tất cả đoàn bắt đầu nhảy múa, di chuyển quanh sân theo chiều ngược kim đồng hồ, sau đó lên nhà sàn làm nghi lễ *vung cơm trộn lá* (tượng trưng cho sự cầu mùa được no đủ) và *ném Axom* (thể hiện sự hiển linh chứng giám của trời đất). Trong lúc đó, những người khác đưa hai mâm cúng xuống sân, đặt trước mũi trâu. Chủ lễ và phụ lễ tiến hành vung cơm vào đầu trâu rồi tất cả cùng hô hú.

*Lễ Bahs* - lễ mời các Yàng về chung vui, là nghi thức tiếp theo được cúng trên nhà sàn. Lễ vật cúng có gà luộc, cá nướng, xôi, bánh nếp



đã bóc vỏ... Dưới sân mọi người mổ lợn, làm lễ cúng xin phép thần vào ngày hôm sau cho làm lễ đâm trâu, đâm dê. Lễ cúng có 3 mâm, trên có bày đầu, đuôi lợn, một sấu gan lợn, một bát cơm có cắm 2 bánh nếp đã bóc sẵn và một bát nệp..., ngoài ra còn có một cây chuối nguyên buồng, một cây mía và một vỏ rượu cần đặt bên cạnh một bát nhựa cây đang cháy. Sau khi xin keo, được sự đồng ý của thần linh, thầy cúng cho đưa các mâm cúng lên nhà sàn để làm lễ xua đuổi điều dữ, đón điều tốt lành.

Tối đến, xung quanh cây nêu buộc trâu ở sân nhà rông, các cuộc nhảy múa diễn ra cùng với giai điệu cồng chiêng, trống, lục lạc...

Sáng sớm ngày thứ hai, cả làng đã chuẩn bị nhảy múa (A đút) để đón khách các làng bên sang dự lễ cầu mùa và lễ đâm trâu. Đoàn khách tới cùng nhảy múa quanh sân 3 vòng, theo chiều ngược kim đồng hồ. Vừa múa, già làng vừa mời các bạn ăn thịt, ăn bánh nếp và uống rượu. Múa xong, các già làng trong đoàn bạn cùng các già làng chủ nhà lên nhà sàn để chủ lễ ăn uống và phân công người đâm trâu. Sau khi đã nhất trí, các mâm cúng được mang xuống đặt trước nọc trâu. Các già làng bung một đĩa gạo và hành sống vung/vãi vào con trâu. Một cô gái dỡ gùi lấy vải dăng cho chủ lễ. Chủ lễ đưa cho phụ lễ mảng phủ làm phép lên đầu trâu, rồi cho cất đi. Đến đây, hai già làng được quyền đâm trâu.

Trâu được mổ tại chỗ. Dê được kiêng đi làm thịt. Sau đó người ta lấy đầu, chân trâu sống, đầu dê sống cùng với thủ, đuôi lợn luộc, gà luộc và các lễ vật khác, xếp vào 7 mâm, đem đặt xuống gốc nọc trâu để cho già làng cúng và đội múa của làng múa xung quanh. Sau đó người ta lấy một cây nêu nhỏ, ở giữa có treo một giỏ tre cắm vào trước cây nêu chính rồi chủ lễ và 2 già làng vừa khấn vừa vẩy nước lên giỏ đựng vật cúng ở cây nêu nhỏ. Làm xong, các già làng cùng vào ngồi trong lều vải để khấn tập thể. Sau khi khấn, xin keo, ném Axom xong, các già làng chia thành hai nhóm mang theo cây nêu nhỏ, một đi về phía sông, một đi về phía núi, để khấn, với sự phụ họa của đội nhạc múa. Cúng xong, họ lấy lộc chia nhau ăn tại chỗ rồi về sân nhà rông. Các vật cúng còn lại được chuyển lên nhà sàn. Lúc này đội múa bắt đầu hát *Ca loi* và thổi tù và tiễn khách cùng các già làng... Lễ cầu mùa kết thúc.

### 3 - Lễ hội của các tộc người thiểu số Việt Bắc

Nguyễn Tri Nguyên: *Lễ hội cổ truyền Việt Nam trong...*

Việt Bắc là nơi cư trú chủ yếu của người Tày và Nùng, họ sống trong những ngôi nhà sàn bốn mái, mặc sắc phục màu chàm, xanh tím và đen, họ có điệu Then và Sli êm đềm, trữ tình. Thời cận đại, người Tày đã dùng chữ Nôm và có lễ hội Lồng Tồng. Người Nùng có lễ hội Phai Lừa.

#### 3.1 - Lễ hội Lồng Tồng của người Tày

Hội Lồng Tồng, có nghĩa là hội xuống đồng, lễ khấn đất, trời, thần Nông, Thành hoàng bản địa... phù hộ cho một năm mới con người được sống bình an, khỏe mạnh, mùa màng bội thu, chăn nuôi gia súc đầy đàn.

Lễ hội Lồng Tồng của người Tày ở bản Chu được coi là lễ hội lớn nhất ở vùng này. Mỗi lần mở hội, dân làng các vùng lân cận như Na Rì (Bắc Tah), Tràng Định, Bắc Sơn, Văn Lãng ... kéo đến rất đông, có năm lên đến hàng vạn người. Hiện nay, dân làng chọn ngày mồng 4 tháng Giêng (âm lịch) để tổ chức. Hội được tổ chức ngay ở đình làng và khu ruộng Tồng (thửa ruộng hương hỏa của đình làng) trước cửa sân đình. Để chuẩn bị cho ngày hội, bà con bản Chu đã chuẩn bị sẵn gà thiến, gạo ngon, rượu trắng và rủ nhau làm các loại bánh slí, sa kao, pèng khô... thật nhiều để đắp mâm chay dâng lễ Thành hoàng, thần Nông và để làm cỗ mời anh em bạn bè xa gần đến dự hội. Đồng thời, họ phân công nhau sửa đình, dọn vệ sinh sân đình sạch sẽ, đặc biệt là cử những thanh niên khỏe mạnh vào rừng tìm những cây tre đẹp nhất về dựng ban thờ thần Nông. Các chàng trai cô gái trong các đội tham gia đội diễn xướng của lễ hội thì tập trung ôn luyện những điệu múa, chuẩn bị tên nỏ, quả còn... để cho ngày lễ diễn ra vui vẻ, chu đáo.

Ở nhà Pú Mo (người cai quản việc cúng lễ Thành hoàng ở đình làng), ngay sáng sớm mồng 4 Tết, Pú Mo thắp hương khấn ban thờ tổ tiên gia đình và chuẩn bị sắp mâm chay ra đình cúng lễ, xin phép Thành hoàng cho dân làng mở hội (bằng việc xin âm dương, nếu gieo quẻ hai lần xấp, hai lần ngựa là được phép của thần). Sau đó, Pú Mo đánh trống gọi các gia đình đến dâng cúng cỗ chay, theo trật tự thời gian trú ngụ của từng dòng họ trong bản (họ nào lập nghiệp ở làng lâu nhất thì mâm chay của họ đó được đặt ở gần ban thờ và ngược lại). Một số mâm chay được đem bày cúng ở ban

thờ thần Nông, đối diện với đình làng. Những nhà có tang hoặc có người đang ở cử thì được miễn dâng mâm chay và họ cũng không được vào đình. Lễ vật trong các mâm chay là bánh chưng, bánh khỏa, khẩu sli, thóc théo... cùng với cành hoa giấy tượng trưng cho sự may mắn và thịnh vượng. Pú Mo làm lễ khấn mời Thành hoàng và thần Nông về nhận lễ của dân làng, sau đó cùng già làng đi chắm cỗ, cỗ nào đẹp nhất thì được thưởng, phần thưởng gói trong giấy đỏ gọi là hoa hồng của Thành hoàng.

Cùng với nghi thức cúng lễ là các trò diễn dân gian được tổ chức với sự tham gia và hưởng ứng của đông đảo mọi người đến dự hội. Trò diễn đóng vai trò chủ đạo trong lễ hội Lồng Tồng là trò múa sư tử, kèm theo là bộ gõ, bao gồm: Trống (làm bằng thân cây khoét rỗng, hai đầu bịt bằng da hươu để đảm bảo được đẹp, bền và có độ vang vừa phải), thanh la, chiêng, chũm chọe, náo bạt... tạo thành những âm thanh rộn rã, náo nức. Sư tử múa đi đến đâu là kéo theo thanh thiếu niên đến đó, tạo nên không khí vui vẻ nhộn nhịp của ngày hội.

Ngoài các đội múa sư tử của làng, trong ngày lễ hội còn có các đội múa sư tử bạn (của các làng bản khác) đến chúc mừng. Đội múa sư tử làng ra các ngã đường đón chào đội múa sư tử bạn và mời các "sư tử" bạn vào đình làng làm lễ tế Thành hoàng. Từng đội múa sư tử múa vờn nhau (chiếp cấn) theo các trình tự như: Chào nhau, gậy giống, múa đười ươi, múa sư tử để con, sư tử con tập luyện, múa khỉ, múa giết sư tử, cùng các trò câu cá, cướp cá... Đồng thời, các chàng trai trong đội múa sư tử còn thực hiện các trò diễn như nhảy bàn, múa võ tay không, múa dao, múa gậy, chống người (sư tử)...

Trò diễn *Sĩ Nông* (dân làng gọi là *Lạo lai* - người đeo mặt nạ), với các vai diễn Sĩ, Nông, Công, Thương và cô gái làng hay còn gọi là *Mẻ làng kén rể*. Họ hát với nhau bằng tiếng Tày, theo thể văn xuôi. Từng vai diễn nói về nghề nghiệp của mình theo khả năng sáng tạo, diễn trò của người diễn. Mẻ làng xinh đẹp được quyền kén rể (một trong bốn anh). Và sự lựa chọn cuối cùng của cô gái là chấp nhận lấy chàng nông dân nghèo hèn vất vả. Trò *Sĩ Nông* đề cao vai trò của người nông dân, với quan niệm của cư dân sống bằng nghề nông, hạt lúa, củ khoai là những thứ bảo tồn cho sự sống của

họ.

Thuở xưa, đây là vùng đất xa xôi hẻo lánh, cuộc sống của người dân luôn bị đe dọa bởi thú dữ và giặc ngoại xâm cho nên việc sử dụng tốt các phương tiện (nỏ, cung tên) để phòng thú dữ là một trong những yêu cầu tối quan trọng trong việc bảo tồn sự sống của người dân nơi này. Dấu ấn lịch sử đã để lại trong trò chơi bắn nỏ ở lễ hội, trò chơi này luôn thu hút mọi lứa tuổi tham gia, nhưng nhiều nhất là lớp thanh thiếu niên. Trước đây, đến với hội Lồng Tồng, người dự thi thường mang theo cung nỏ, nhưng bây giờ, ban tổ chức đã chuẩn bị một nỏ để dùng chung cho tất cả người dự thi. Trong lễ hội còn có các trò khác như cờ tướng, kéo co,... cùng những điệu hát dân ca: Sli của người Tày là những khúc ca giao duyên, trao đổi tâm tình qua hình ảnh từ lời hát về cỏ cây, hoa lá...

Chiều đến, Pú Mo thực hiện nghi lễ cúng Thành hoàng và thần Nông. Lễ vật là một con lợn sau khi thực hiện các nghi lễ, con lợn được bỏ chia đều cho các mâm cúng gia đình, mọi người nhận lại mâm cỗ đem về nhà, mời khách làng xa bản gần đến ăn cỗ, uống rượu chung vui. Đây cũng là lúc các đội sư tử múa lạy trước sân đình để trở về các thôn bản. Đội múa sư tử còn đến từng các gia đình, múa chào trước sân rồi đến sàn nhà múa lạy trước bàn thờ tổ tiên, họ được các gia đình đón tiếp, mời rượu, biếu một chút hoa hồng phong bao. Tiếp theo, mọi người còn tiếp tục ăn uống, vui vẻ cho đến khi kết thúc lễ hội.

### 3.2 - Lễ hội Phài Lừa của người Nùng ở Văn Mịch, Bình Giả, Lạng Sơn

Lễ hội Phài Lừa là lễ hội tín ngưỡng dân gian của tộc Nùng ở Văn Mịch còn lưu giữ những dấu ấn của sự phát sinh và hình thành tín ngưỡng. Tộc Nùng cũng như các tộc thiểu số khác, với tín ngưỡng đa thần thể hiện khát vọng của con người thừa ban sơ chủ yếu là khát vọng chinh phục thiên nhiên, những lực lượng siêu nhiên, và vạn vật hữu linh, các nghi lễ hiến sinh đã thể hiện những quan niệm về vũ trụ còn nhiều nét thần bí.

Bên cạnh việc sùng kính các lực lượng siêu nhiên, qua thời gian dần dần con người biết tôn thờ chính những đại diện của mình. Cụ thể ở đây là sùng kính *Ca Đuống*, một con rắn lạ có màu đỏ, người dân tôn thờ như một vị thần sông nước, vị thần đã đem đến cho dân bản

một cuộc sống bình yên và hạnh phúc. Ngoài ra trong lễ hội này, họ sùng kính hai vợ chồng dân chài, có một tấm lòng vị tha nhân hậu. Trong lễ hội ta nhận thấy giữa con người và thiên nhiên hòa hợp với nhau (con người có thể sống chung với rắn). Nhưng cũng có khi thiên nhiên và con người bất hòa, (thể hiện ở những con thuồng luồng độc ác).

Ở lễ hội Phài Lừa, biểu tượng của lễ hội được biểu đạt qua những trò chơi dân gian và Ca Đuống là một biểu tượng của một vị thần sông nước. Những trò chơi đã tái hiện cảnh Ca Đuống đánh nhau với lũ thuồng luồng độc ác... Bởi vậy lễ hội Phài Lừa là một lễ hội tín ngưỡng dân gian hàm chứa về ý nghĩa văn hóa, bản sắc văn hóa, giá trị nhân văn và dân chủ. Trong bối cảnh các dân tộc sống kề nhau đã tiếp thu nhiều phong tục tập quán của nhau, ngày hội Phài Lừa trở thành ngày hội chung của các dân tộc quanh vùng chứ không của riêng tộc người Nùng.

#### 4 - Lễ hội tín ngưỡng phồn thực của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ

Qua các lễ hội của người Việt, bên cạnh những tín ngưỡng phồn thực còn có sự giao thoa, lai pha, hỗn dung giữa các tín ngưỡng với nhau và giữa các tín ngưỡng với tôn giáo theo chiều dài lịch sử, dần dần con người biết tôn thờ và sùng kính những đại diện chính của mình.

##### 4.1 - Lễ hội đền Đậu An, làng An Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

Lễ hội đền Đậu An có bề ngoài mang đậm màu sắc Đạo giáo, thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tiên Thiên, Tiên Địa, các thể hệ chính của lễ hội. Song thực tế nó lại mang tính Việt rất cao, thể hiện tín ngưỡng phồn thực của cư dân tồn tại và phát triển trong nền văn minh lúa nước, gắn liền với truyền thuyết "ông Đùng, bà Đà", hai con người khởi nguyên tạo nên muôn vật, là cội nguồn của sự sinh sôi nảy nở, của mùa màng.

Hàng năm, từ ngày 6 tháng 4 âm lịch, dân làng An Xá tiến hành mở lễ hội ở đền Đậu An, đình Bến, đình Vô, đình Căn, đình Mới, miếu Đổng Câu và miếu Chợ An. Đền Đậu An là một công trình kiến trúc bằng đá thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tiên Thiên, Tiên Địa hay ông Đùng, bà Đà (theo cách gọi của dân gian) biểu tượng của âm dương, đấng sáng tạo, trung tâm quy tụ toàn bộ hoạt động của lễ hội. Bốn ngôi

đình còn lại là miếu Đổng Câu thờ Ngũ Lão tiên ông, biểu tượng cho ngũ hành và truyền thống trọng lão. Riêng miếu Chợ An thờ một nhân vật thần phận "tâm thường" là bà An Thị Hằng, mẹ con kẻ khó đã có công đánh hổ cứu dân làng.

Căn cứ vào thần tích đền Đậu An thì Ngũ Lão tiên ông đến đây mở đất khai hoang trước. Về sau, con cháu vua Hùng mới tiếp tục phát triển thêm bờ cõi. Khi đến sinh sống, dân làng thường bị hổ dữ phá hoại. Bởi vậy, Ngọc Hoàng Thượng Đế đã phái Tiên Thiên (Tây Vương Phụ) và Địa Tiên (Tây Vương Mẫu) giả làm hai chị em cùng Ngũ Lão tiên ông giúp dân diệt trừ thú dữ. Hoàn thành nhiệm vụ, hai chị em vì to lớn dị thường, không thể kết hôn với người thường nên đành ở với nhau. Vua nghe tin cho là loạn luân, xử họ tội chết chém. Để tưởng nhớ hai người, dân làng lập đền thờ gọi là ông Đùng, bà Đà và từ đó có lễ hội rước ông Đùng, bà Đà, cũng còn gọi là lễ rước Tiên Thiên và Địa Tiên.

Theo quan niệm của dân làng, thì danh xưng ông Đùng, bà Đà là Tiên Thiên và Địa Tiên (từ thần tích mang màu sắc Đạo giáo), cũng chính là ông Trời và bà Đất các đấng tạo hóa của muôn loài. Do đó, tục thờ và lễ rước hàng năm Tiên Thiên và Địa Tiên (hay ông Đùng, bà Đà) là một tín ngưỡng dành cho đấng tạo hóa nhằm cầu mong cho sự sinh sôi nảy nở của muôn loài.

Lễ hội được tiến hành trang trọng, việc chuẩn bị đan nốt cho ông Đùng, bà Đà bắt buộc phải chọn giờ tốt và do đích thân các vị cao niên thực hiện. Sau khi thảo tước phong đồ thờ, đan hình nộm, tập đánh hổ, dân làng dâng hương lên đền Đậu An làm lễ cáo với Ngọc Hoàng Thượng Đế được mở lễ hội. Chiều mừng 5 tháng 4 dân làng rước Tiên Thiên (ông Đùng) từ đình thôn Căn về đền chính.

Ngày mồng 6 tháng 4 khai hội. Sau tiếng trống mở đầu là lễ dâng hương ở đền chính và lễ dâng hương ở đền Trình, nay do nữ tế quan đảm nhiệm. Bốn giờ chiều cùng ngày, người ta tiến hành rước kiệu Ngọc Hoàng và Tiên Thiên đi đón Tiên Địa (dân nôm na gọi là ông Đùng đi đón bà Đà) thờ tại đền Bến. Toàn bộ diễn tiến của buổi lễ mô phỏng một cuộc rước dâu với nhiều nghi lễ phức tạp về đền chính sau khi làm lễ cáo với Ngọc Hoàng Thượng Đế, hai hình nhân được đặt hướng mặt vào nhau. Trong



quá trình rước về đền Đậu An, dân làng đi khoan thai chậm rãi. Đến lúc lên đền, người ta thấp đuốc rước sáng rồi đi vòng quanh làng.

Ba giờ chiều mồng 8, Tiên Thiên và Tiên Địa được rước từ đền Đậu An đến đình Vô (nơi thờ đức ông Lỗ Quốc). Đến ruộng "May Miều" thì cả đoàn dừng lại, diễn trò *đánh bệt* (đánh hổ). Bắt đầu từ cảnh người câu ếch thông báo tin dữ với đức ông Lỗ Quốc cho đến cảnh Tiên Bồng Nguyên Sứ, hai lực sỹ, mẹ con kẻ khó cùng dân làng đánh hổ. Kết thúc trò đánh bệt hổ bị giết, lột da treo lên đầu trượng và được vác về đình Vô. Đoàn rước tiếp tục lên đường đưa Tiên Thiên, Tiên Địa về đình Vô để tế lễ. Sau khi cả đoàn quay về đền chính thì mọi hoạt động lễ hội coi như kết thúc. Những lễ vật hình nộm còn lại được người ta chia nhau mang về nhà để làm phúc.

Theo truyền thống, lễ hội lâu đời này thường được rước theo hai biểu tượng ông Đùng bà Đà, cao 5 mét, được đan bằng loại tre tốt nhất (ông Đùng được đan bằng 7 cây tre, bà Đà được đan bằng 9 cây tre).

Lễ hội đền Đậu An có một vai trò tích cực trong đời sống tinh thần của nhân dân. Bên cạnh hoạt động mang tính lễ nghi, chính trò diễn đánh hổ đặc sắc đã làm cho ý nghĩa lễ hội trở nên hoàn chỉnh. Nó giúp cộng đồng gắn kết với nhau nhờ một tích trò hấp dẫn. Tích trò đánh hổ (đánh bệt) không phải chỉ riêng của lễ hội Đậu An, nó còn được diễn ra ở nhiều lễ hội ở Hải Dương, Thái Bình và Thanh Hóa. Thắng hổ như một khát vọng mạnh mẽ của cư dân lúa nước cho nên tích trò đánh hổ trở nên thiêng liêng.

#### 4.2 - Hội làng Quang Lang, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

Tục thờ ông Đùng bà Đà gắn liền với tín ngưỡng phồn thực đã có mặt trong một số lễ hội ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ở Quang Lang, tục thờ này liên quan tới sự phụng thờ bà chúa Muối (hay chúa Mối Nguyễn Thị Nguyệt Ảnh, thần tích ghi cách đây 300 năm). Công đoạn chuẩn bị cho lễ hội được bắt đầu từ mồng 10 tháng 4 với các việc tạo Đùng, làm hoa Đùng và các lễ vật dâng cúng bà chúa Muối. Sau khi xin phép bà chúa Muối bằng cách gieo quẻ âm dương, dân làng Quang Lang dùng trúc sa trẻ thành nan rồi đan các phần thân và đầu của Đùng ông, Đùng bà, Đùng cô và Đùng cậu. Mặt

Đùng bà và Đùng cô làm bằng cái nia, mặt sơn nền trắng, có vẽ tóc, lông mày, mũi, miệng và tai. Còn mặt Đùng ông và Đùng cậu được làm từ tấm cốt dày, hình vuông, trên vẽ râu và tóc trái đào. Riêng Đùng bà và Đùng cô được trang sức thêm mấy bông hoa cánh đỏ (dân gian gọi là hoa mò). Bốn hình Đùng làm xong, dân làng khiêng ra đặt trước cửa điện thờ chúa Muối. Trên bàn thờ trong điện, lễ vật dâng cúng bà chúa Muối bắt buộc phải có khoai lang, bắp luộc, chuối, dưa hấu, chè đỗ đen và muối trắng.

Sáng ngày 12 tháng 4 là thời điểm khai hội. Sau khi làm lễ dâng hương hoa, tế Mẫu và kể tiểu sử bà chúa Muối, các hoạt động văn nghệ dân gian được trình diễn tự do tại sân đền.

Từ sáng sớm ngày 13 tháng 4, dân làng làm lễ tế Mẫu, tiếp đó thực hiện nghi thức rước kiệu Mẫu ra cáo yết Thành hoàng tại miếu Ba Thôn. Trên đường đi, sự linh ứng của bà chúa được thể hiện bằng những động tác xoay kiệu. Dọc hai ven đường nơi kiệu qua, các gia đình bày mâm gồm hoa, oản, chuối... để cầu phúc lộc, may mắn.

Tục múa Đùng chính thức thực hiện vào lúc chập choạng tối. Sau khi làm lễ xin phép bà chúa Muối, bốn người được cử ra múa Đùng. Các động tác múa lắc lư theo nhịp trống. Cặp Đùng ông, Đùng bà bao giờ cũng múa tách biệt với cặp Đùng cô, Đùng cậu. Trong lúc nhảy múa, Đùng ông thay mặt cho gia đình Đùng giống lời xin chúa ban cho sức khỏe, tài lộc, Đùng cô, Đùng cậu thỉnh thoảng mô phỏng động tác tính giao (mang ý niệm phồn thực). Một lát sau, các gia đình trong làng đưa Đùng con tới tham dự. Múa Đùng chuyển sang nghi lễ rước Đùng.

Đoàn rước Đùng đi theo lộ trình từ đền thờ chúa Muối về miếu Ba Thôn. Trên đường người ta vừa đi vừa trêu nghịch các Đùng và hô to những câu vắn đến miếu Ba Thôn, đại diện dân làng vào miếu làm lễ cáo yết Thành hoàng. Sau đó, họ rước Đùng đi xung quanh làng... tới gần địa điểm thờ bà chúa Muối, tất cả mọi người đồng loạt xông vào phá các hình nộm Đùng, rồi chia nhau "xương Đùng" làm lộc mang về nhà để cầu may. Hội ông Đùng bà Đà già đám lúc nửa đêm./